

KHUNG PHÁP LÝ CHO NGÂN HÀNG SỐ - KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ ĐỀ XUẤT CHO VIỆT NAM

Lương Thị Linh Chi¹
Email: ltlchi@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 21/07/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.698

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích khung pháp lý về ngân hàng số tại Việt Nam, đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế từ Singapore, Hồng Kông, EU và Hoa Kỳ để đưa ra các đề xuất hoàn thiện. Mặc dù Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể với các văn bản pháp luật như Nghị định 94/2025/NĐ-CP về cơ chế sandbox, Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt, và Thông tư 50/2024/TT-NHNN về an toàn, bảo mật trực tuyến, vẫn còn một số khoảng trống cần giải quyết.

Các thách thức chính bao gồm: thiếu một định nghĩa pháp lý toàn diện cho ngân hàng số, cần hoàn thiện quy định về xác thực danh tính số, giải quyết rủi ro chênh lệch quy định và xây dựng khung pháp lý chi tiết cho dữ liệu, AI và blockchain.

Từ khóa: ngân hàng số, Fintech, cơ chế thử nghiệm, chuyển đổi số, bảo mật

I. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số đang tác động sâu sắc đến ngành tài chính, dẫn đến sự ra đời của ngân hàng số. Đây là mô hình kinh doanh sử dụng các nền tảng trực tuyến và công nghệ Fintech để cung cấp dịch vụ tài chính, không phụ thuộc vào chi nhánh vật lý. Ngân hàng số thúc đẩy tài chính toàn diện và nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí cho các tổ chức. Tuy nhiên, sự phát triển của ngân hàng số cũng đặt ra nhiều rủi ro, bao gồm các mối đe dọa an ninh

mạng, rò rỉ dữ liệu cá nhân, gian lận và rửa tiền (AML/CFT). Do đó, một khung pháp lý vững chắc là rất cần thiết để đảm bảo sự ổn định và niềm tin của thị trường. Với sự thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng, đặc biệt là thế hệ trẻ, ngân hàng số đã trở thành một yêu cầu cơ bản và là yếu tố cạnh tranh sống còn của các tổ chức tài chính. Bài viết này sẽ phân tích khung pháp lý cho ngân hàng số, tham khảo kinh nghiệm quốc tế và đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách tại Việt Nam. Nội dung sẽ đi sâu vào khái niệm, mô hình

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội

kinh doanh và các quy định pháp lý tại các trung tâm tài chính hàng đầu.

II. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này phân tích khung pháp lý cho ngân hàng số tại Việt Nam, dựa trên sự đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện. Cơ sở lý luận được xây dựng trên ba trụ cột chính: lý thuyết về quy định và giám sát tài chính, lý thuyết về đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ, và lý thuyết về quản trị rủi ro: (i) Lý thuyết quy định và giám sát tài chính cung cấp nền tảng để đánh giá vai trò của các cơ quan quản lý trong việc duy trì ổn định hệ thống và bảo vệ người tiêu dùng trong lĩnh vực ngân hàng số. Nó xem xét cách các nguyên tắc như của Ủy ban Basel được áp dụng để quản lý các rủi ro mới phát sinh từ công nghệ; (ii) Lý thuyết đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ giúp lý giải sự cần thiết của một khung pháp lý linh hoạt, thúc đẩy các mô hình như Regulatory Sandbox để thử nghiệm các giải pháp đột phá; (iii) Lý thuyết quản trị rủi ro là trọng tâm để nhận diện và đề xuất cách thức quản lý các rủi ro đặc thù của ngân hàng số, bao gồm rủi ro an ninh mạng, rủi ro dữ liệu và rủi ro từ các thuật toán AI.

III. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp sau: (i) Tổng quan tài liệu để hệ thống hóa các nghiên cứu và báo cáo quốc tế về ngân hàng số và khung pháp lý; (ii) Phân tích

pháp lý để rà soát chi tiết các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam, đặc biệt là các văn bản mới nhất như Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Nghị định 94/2025/NĐ-CP; (iii) Nghiên cứu so sánh để đối chiếu khung pháp lý Việt Nam với kinh nghiệm của các trung tâm tài chính hàng đầu như Singapore, Hồng Kông, EU và Vương quốc Anh, từ đó rút ra bài học và đề xuất các giải pháp khả thi; (iv) Những phương pháp này cùng nhau tạo nên nền tảng vững chắc cho việc phân tích thực trạng và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp lý cho ngân hàng số tại Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khái niệm và đặc điểm của ngân hàng số

Theo quan điểm học thuật, khái niệm ngân hàng số được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), ngân hàng số được định nghĩa là sự kết hợp giữa công nghệ số và truyền thông để cung cấp các dịch vụ tài chính thông qua phương tiện trực tuyến, loại bỏ sự can thiệp của nhân viên ngân hàng truyền thống. Tương tự, Chris (2014) định nghĩa ngân hàng số là một mô hình hoạt động mà các nghiệp vụ chủ yếu dựa trên nền tảng và dữ liệu điện tử, trong đó công nghệ số là cốt lõi².

Định nghĩa này cho thấy ngân hàng số là một mô hình tổ chức kinh doanh dịch vụ ngân hàng, trong đó toàn bộ hoạt động từ quản lý, điều hành đến cung cấp dịch vụ đều được tích hợp công nghệ hiện đại của

² Chris, S. (2014). *Digital banks: Strategies to launch or become a digital bank*, Tạm dịch “Ngân hàng số: Chiến lược phát triển ngân hàng số”. Marshall Cavendish International Asia Pte Ltd.

cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, bao gồm dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI). Khách hàng có thể thực hiện mọi giao dịch thông qua một ứng dụng duy nhất mà không cần đến chi nhánh, trong khi ngân hàng cũng số hóa các hoạt động nội bộ như quản lý rủi ro, phát triển sản phẩm và marketing.

Theo một cách chung nhất, hoạt động ngân hàng số được hiểu là cấp độ phát triển mới trong hoạt động ngân hàng của các ngân hàng truyền thống đặt trong bối cảnh các dịch vụ được số hóa cao độ và tích hợp liên thông liền mạch. Khái niệm này có phạm vi bao trùm hơn những khái niệm trước đây như ngân hàng điện tử, ngân hàng trực tuyến hay ngân hàng di động (E-Banking, Internet Banking, Mobile Banking). Đặc trưng nổi bật của hoạt động ngân hàng số là việc ứng dụng sâu rộng công nghệ số và phân tích dữ liệu trong mọi mặt hoạt động ngân hàng, từ khâu quan hệ giao tiếp với khách hàng (front-end) cho đến quy trình xử lý nội bộ (back-end), cung ứng các sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng trên nền tảng số, hoặc qua kênh số cùng với sự hỗ trợ từ các mô hình kinh doanh mới và văn hóa đổi mới sáng tạo.

4.2. Khung pháp lý cho ngân hàng số

Các yêu cầu quy định cốt lõi đối với ngân hàng số trên toàn cầu thường xoay quanh một số nguyên tắc chung nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và bảo vệ người tiêu dùng trong bối cảnh số hóa, theo đó, khung pháp lý cho ngân hàng số gồm:

Các vấn đề cấp phép và giám sát

Việc cấp phép và giám sát đóng vai trò nền tảng trong việc thiết lập một khung pháp lý vững chắc cho ngân hàng số. Các cơ quan quản lý trên toàn cầu, như Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), Cơ quan Quản lý Thận trọng (PRA) và Cơ quan Quản lý Tài chính (FCA) ở Vương quốc Anh, hay Cục Kiểm soát Tiền tệ (OCC) và Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC) tại Hoa Kỳ, đã thiết lập các quy định cụ thể. Các quy định này tập trung vào việc đảm bảo các ngân hàng số tuân thủ các yêu cầu cốt lõi về KYC (Định danh khách hàng) và AML (Chống rửa tiền) để ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp. Cụ thể, các biện pháp Thẩm định Khách hàng (CDD) và giám sát giao dịch là bắt buộc. Ngoài ra, các ngân hàng số phải đáp ứng các yêu cầu về vốn tối thiểu để đảm bảo khả năng thanh toán và cung cấp thanh khoản, với ví dụ điển hình là mức vốn tối thiểu 300 triệu HKD đối với các ngân hàng ảo ở Hồng Kông.

Các quy định về bảo mật dữ liệu và an ninh mạng cũng được siết chặt để bảo vệ quyền riêng tư người dùng và ngăn chặn vi phạm bảo mật, với các khuôn khổ pháp lý như GDPR ở châu Âu và CCPA ở California. Việc cấp phép cho các ngân hàng số đòi hỏi họ phải chứng minh tính an toàn của sản phẩm, tuân thủ đạo đức trong xử lý dữ liệu và duy trì một kế hoạch kinh doanh khả thi. Một thách thức lớn đối với cơ quan quản lý là điều chỉnh các công cụ giám sát để phù hợp với rủi ro công nghệ, đồng thời đảm bảo một sân chơi bình đẳng giữa các ngân hàng truyền thống và ngân hàng số.

Các vấn đề xuyên biên giới

Bản chất toàn cầu của ngân hàng số đặt ra nhiều thách thức pháp lý liên quan đến quyền tài phán và chuyển dữ liệu xuyên biên giới. Các tổ chức có thể hoạt động từ một quốc gia nhưng phục vụ khách hàng trên nhiều khu vực pháp lý, dẫn đến sự không nhất quán trong các quy định và tạo ra kẽ hở cho trọng tài quản lý (regulatory arbitrage). Điều này cho phép các tổ chức khai thác sự khác biệt giữa các khung pháp lý để né tránh các quy định nghiêm ngặt. Các thách thức này không tồn lập mà có mối liên hệ mật thiết. Ví dụ, một lỗ hổng trong an ninh mạng có thể dẫn đến vi phạm dữ liệu, làm tổn hại đến quyền riêng tư và tiềm ẩn rủi ro rửa tiền. Do đó, một cách tiếp cận pháp lý rời rạc, giải quyết từng vấn đề một cách riêng lẻ, sẽ không hiệu quả. Một khung pháp lý mạnh mẽ đòi hỏi một chiến lược toàn diện và tích hợp, nhận thức được các mối quan hệ nhân quả giữa an ninh mạng, quyền riêng tư dữ liệu, bảo vệ người tiêu dùng và các vấn đề chống rửa tiền. Hợp tác quốc tế trong giám sát và thực thi là yếu tố then chốt để giải quyết những thách thức này và đảm bảo một hệ sinh thái tài chính số an toàn và toàn diện.

4.3. Kinh nghiệm xây dựng khung pháp lý cho ngân hàng số của một số quốc gia

Các quốc gia đã thiết lập những khuôn khổ pháp lý toàn diện cho ngân hàng số, tập trung vào việc đảm bảo sự an

toàn, ổn định của hệ thống tài chính và bảo vệ người tiêu dùng. Các yêu cầu cốt lõi xoay quanh hai nội dung chính: cấp phép và giám sát cũng như các vấn đề xuyên biên giới.

Kinh nghiệm pháp lý về ngân hàng số từ Singapore

Singapore được công nhận là một trung tâm tài chính hàng đầu nhờ hệ thống pháp luật ổn định và minh bạch. Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS), với vai trò kép là ngân hàng trung ương và cơ quan giám sát, đã cấp phép cho hai Ngân hàng số đầy đủ (DFB) và hai Ngân hàng số bán buôn (DWB), với các yêu cầu về vốn và phạm vi hoạt động tương tự như ngân hàng truyền thống³. Theo đó, MAS giám sát chặt chẽ các ngân hàng số thông qua việc đánh giá khuôn khổ quản lý rủi ro, theo dõi quy trình và thực hiện xác minh độc lập. Tất cả các ngân hàng, bao gồm cả ngân hàng số, phải tuân thủ các yêu cầu về vốn điều lệ, vốn dựa trên rủi ro và tài sản thanh khoản tối thiểu. Bên cạnh đó, các quy định về xuyên biên giới được quy định qua các nội dung: (i) Chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố (AML/CFT): MAS áp dụng các quy định nghiêm ngặt về AML/CFT, yêu cầu các ngân hàng thực hiện thẩm định khách hàng, đánh giá rủi ro và sàng lọc khách hàng dựa trên các danh sách cấm và tin tức tiêu cực; (ii) Bảo mật dữ liệu và An ninh mạng: MAS yêu cầu các tổ chức tài chính tuân thủ các quy định về quản lý rủi ro công nghệ (TRM) và thực hành

³ VIDS. (2025). Xây dựng trung tâm tài chính quốc tế ở Việt Nam: Nhìn từ kinh nghiệm quốc tế. Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://vids.mpi.gov.vn/kinh-te-xa-hoi/xay-dung-trung-tam-tai-chinh-quoc-te-o-viet-nam-nhin-tu-kinh-nghiem-quoc-te-11429.html>

tốt nhất về an ninh mạng. Các biện pháp bao gồm bảo mật tài khoản quản trị, và lỗi bảo mật, chống phần mềm độc hại và xác thực đa yếu tố. Ngoài ra, MAS ban hành các hướng dẫn về bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời các quy định về an ninh mạng cũng góp phần bảo vệ thông tin khách hàng. Các biện pháp như loại bỏ liên kết đáng ngờ trong email và cung cấp “công tắc ngắt khẩn cấp” giúp khách hàng tự bảo vệ tài khoản khi nghi ngờ bị xâm nhập.

Kinh nghiệm pháp lý về ngân hàng số từ Hồng Kông

Hồng Kông là một trong những khu vực tiên phong ban hành khung pháp lý riêng cho ngân hàng ảo (Virtual Bank). Cơ quan Tiền tệ Hồng Kông (HKMA), với vai trò giám sát, tập trung vào việc đảm bảo sự ổn định và hiệu quả của hệ thống ngân hàng. Theo đó, HKMA cấp phép cho các ngân hàng ảo nếu chúng đáp ứng các tiêu chí thận trọng tương tự như ngân hàng truyền thống, bao gồm một kế hoạch kinh doanh khả thi và yêu cầu vốn tối thiểu 300 triệu HKD. Để đảm bảo sự giám sát, các ngân hàng ảo phải duy trì trụ sở vật lý tại Hồng Kông⁴. HKMA áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để giám sát liên tục, đồng thời yêu cầu các ngân hàng ảo phải quản lý hiệu quả

tám loại rủi ro cơ bản: tín dụng, lãi suất, thị trường, thanh khoản, hoạt động, danh tiếng, pháp lý và chiến lược. Bên cạnh đó, các quy định về xuyên biên giới: (i) Chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố (AML/CFT): HKMA thực thi nghiêm ngặt các quy định AML/CFT bằng cách áp dụng các biện pháp kỷ luật đối với các ngân hàng vi phạm, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giám sát giao dịch hiệu quả⁵; (ii) Bảo mật dữ liệu và an ninh mạng: HKMA đặc biệt chú trọng an ninh công nghệ thông tin cho ngân hàng ảo. Cơ quan này yêu cầu các ngân hàng phải có các biện pháp kiểm soát bảo mật “phù hợp với mục đích” và báo cáo đánh giá độc lập về hệ thống bảo mật. Ngoài ra, việc thuê ngoài các hoạt động công nghệ cũng phải đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn thông tin khách hàng, tuân thủ Đạo luật Quyền riêng tư Dữ liệu Cá nhân (PDPO)⁶; (iii) Bảo vệ người tiêu dùng: HKMA tập trung vào bảo vệ người tiêu dùng thông qua “Hiến chương Đối xử Công bằng với Khách hàng” (TCF Charter), yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin sản phẩm rõ ràng, minh bạch. HKMA cũng giám sát việc tuân thủ “Bộ Quy tắc Thực hành Ngân hàng” (CoBP) bằng các cuộc kiểm tra tại chỗ.

⁴ HKMA. (2025). Guideline on Authorisation of Virtual Banks, Tạm dịch “Hướng dẫn cho ngân hàng số” Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.hkma.gov.hk/eng/news-and-media/press-releases/2000/05/20000505-3/>

⁵ Legco. (2025). BANKING SUPERVISION IN HONG KONG, Tạm dịch “Giám sát ngân hàng tại Hồng Kông”; Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.legco.gov.hk/yr02-03/english/panels/fa/papers/fac2-1122-e-scan.pdf>

⁶ HKMA. (2025). Regulatory & Supervisory Framework, Tạm dịch “Khung pháp lý và giám sát” Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.hkma.gov.hk/eng/key-functions/banking/banking-regulatory-and-supervisory-regime/regulatory-supervisory-framework/>

Kinh nghiệm pháp lý về ngân hàng số từ Liên minh Châu Âu (EU)

Liên minh Châu Âu (EU) đã xây dựng một khung pháp lý toàn diện cho ngân hàng số và fintech, tập trung vào việc nâng cao bảo mật, thúc đẩy cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng. Cụ thể: Chỉ thị Dịch vụ Thanh toán sửa đổi (PSD2) và Quy định Dịch vụ Thanh toán (PSR): PSD2 làm cho các khoản thanh toán trực tuyến an toàn hơn thông qua việc yêu cầu Xác thực Khách hàng Mạnh mẽ (SCA) cho hầu hết các giao dịch trực tuyến, sử dụng xác thực đa yếu tố. Chỉ thị này cũng thúc đẩy “ngân hàng mở” (Open Banking) bằng cách yêu cầu các ngân hàng cung cấp quyền truy cập vào tài khoản của khách hàng cho các nhà cung cấp bên thứ ba (TPP) với sự đồng ý của khách hàng, cho phép phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính mới. PSR, được thông qua để chống gian lận và cải thiện việc chia sẻ dữ liệu thanh toán, đã tăng cường quyền của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, quy định Bảo vệ Dữ liệu Chung (GDPR): GDPR có tác động lớn đến ngân hàng số bằng cách đặt ra các yêu cầu nghiêm ngặt về bảo mật dữ liệu và trao quyền kiểm soát lớn hơn cho người tiêu dùng đối với dữ liệu cá nhân của họ. Quy định này yêu cầu các ngân hàng phải chứng minh sự tuân thủ, thiết kế hệ thống xử lý dữ liệu với nguyên tắc “quyền riêng tư theo thiết kế” (privacy by design) và thực hiện các biện pháp bảo mật chặt chẽ. GDPR cũng mở

rộng đáng kể quyền của chủ thể dữ liệu, bao gồm quyền truy cập, di chuyển dữ liệu và quyền được lãng quên⁷. Ngoài ra, EU đang triển khai một khung pháp lý chống rửa tiền (AML) mới để hài hòa các nghĩa vụ AML/CFT giữa các quốc gia thành viên; thành lập Cơ quan Chống rửa tiền (AMLA) cấp EU, có quyền giám sát trực tiếp các tổ chức tài chính có rủi ro cao và phối hợp với các cơ quan giám sát quốc gia. Các biện pháp này cũng tăng cường đáng kể các hình phạt tài chính cho các vi phạm nghiêm trọng, lên tới 10 triệu Euro hoặc 10% doanh thu hàng năm.

Kinh nghiệm pháp lý về ngân hàng số từ Hoa Kỳ

Khung pháp lý cho ngân hàng số và fintech tại Hoa Kỳ nổi bật với sự phân mảnh, do sự tham gia của nhiều cơ quan quản lý ở cả cấp liên bang và tiểu bang, bao gồm OCC, FDIC, CFPB, SEC và FinCEN. Tại Hoa Kỳ, các công ty fintech phải nhận thức về các luật và quy định đa dạng ở các cấp khác nhau. Văn phòng Kiểm soát Tiền tệ (OCC) đã cấp phép có điều kiện cho một số công ty fintech để gián tiếp mua lại các ngân hàng được cấp phép quốc gia, cho phép họ mở rộng hoạt động trên toàn quốc. Các ngân hàng fintech này, dưới dạng “ngân hàng quốc gia mục đích đặc biệt” (SPNB), có lợi thế lớn là có thể vượt qua nhiều luật tiểu bang khác nhau. Tổng công ty Bảo hiểm Tiền gửi Liên bang (FDIC) cũng cung cấp hướng dẫn cho các tổ chức mới muốn

⁷ PwC. (2025). *The EU General Data Protection Regulation (GDPR) in the banking industry*, tạm dịch “Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của EU (GDPR) trong ngành ngân hàng” Truy cập ngày 10/7/2025, từ https://www.pwc.ch/en/publications/2017/gdpr_banking_industry_report_en.pdf

xin bảo hiểm tiền gửi. Ngoài ra, các quy định về KYC/AML và Bảo vệ dữ liệu: Đạo luật PATRIOT năm 2001 yêu cầu các tổ chức tài chính phải thu thập thông tin nhận dạng khách hàng và có các chính sách thẩm định nội bộ. Về bảo vệ dữ liệu, các đạo luật như Gramm-Leach-Bliley (GLBA) và California Consumer Privacy Act (CCPA) điều chỉnh việc thu thập, sử dụng và chia sẻ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý liên bang (Federal Reserve, OCC, FDIC) đã ban hành tuyên bố chung về việc quản lý rủi ro đối với các ngân hàng tham gia vào việc lưu giữ tài sản tiền điện tử, nhấn mạnh sự cần thiết của các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt.

4.4. Thực trạng pháp lý và một số đề xuất xây dựng pháp luật cho ngân hàng số ở Việt Nam

4.4.1. Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến ngân hàng số

Tại Việt Nam, khung pháp lý cho ngân hàng số và Fintech đang được hình thành và hoàn thiện thông qua việc ban hành nhiều văn bản quan trọng. Cụ thể, Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Nghị định 94/2025/NĐ-CP đã thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để tạo môi trường cho việc ứng dụng công nghệ mới. Nghị định 52/2024/NĐ-CP thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, trong khi Thông tư 50/2024/TT-NHNN tập trung vào an toàn, bảo mật dịch vụ trực tuyến. Ngoài ra, các kế hoạch và chương trình như Quyết định 810/QĐ-NHNN và Quyết định 749/QĐ-TTg đã định hướng chiến lược chuyển đổi số toàn diện cho ngành ngân hàng và quốc gia. Theo đó, Luật Các

Tổ chức Tín dụng 2024 (sửa đổi, bổ sung 2025) Luật này đóng vai trò nền tảng, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động ngân hàng. Đặc biệt, Điều 106 đã chính thức hóa cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng. Cơ chế này cho phép các tổ chức tín dụng và công ty Fintech thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ, và mô hình kinh doanh mới trong một môi trường được giám sát chặt chẽ. Mặc dù luật này chưa đi sâu vào các quy định cụ thể của ngân hàng số, nhưng việc thừa nhận sandbox là một bước tiến quan trọng, thể hiện sự cởi mở của nhà quản lý đối với đổi mới sáng tạo. Nghị định 52/2024/NĐ-CP (Quy định về Thanh toán không dùng tiền mặt) Có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, nghị định này thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP và được xem là văn bản pháp lý quan trọng nhất thúc đẩy thanh toán số. Điểm nổi bật là việc bổ sung định nghĩa rõ ràng về tiền điện tử (e-money), bao gồm các hình thức như ví điện tử và thẻ trả trước. Nghị định này tạo cơ sở vững chắc cho các dịch vụ thanh toán mới, tạo tiền đề cho sự phát triển của các hệ sinh thái ngân hàng số. Thông tư 50/2024/TT-NHNN (Quy định về an toàn, bảo mật cho dịch vụ trực tuyến) Thông tư này, có hiệu lực từ 01/01/2025, đặt ra các yêu cầu khắt khe về an toàn và bảo mật cho các dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Nó quy định chi tiết các phương thức xác thực giao dịch như FIDO, chữ ký điện tử, OTP và sinh trắc học, nhằm bảo vệ thông tin khách hàng và ngăn ngừa gian lận. Việc quy định cụ thể này giúp chuẩn hóa các quy trình bảo mật, tạo niềm tin cho người dùng khi thực hiện giao dịch số. Nghị định

94/2025/NĐ-CP (Quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát - Sandbox Fintech) Đây là văn bản chi tiết hóa Điều 106 của Luật Các tổ chức tín dụng. Nghị định này thiết lập một khuôn khổ pháp lý cụ thể cho việc thử nghiệm các giải pháp Fintech như chấm điểm tín dụng, chia sẻ dữ liệu qua Open API và cho vay ngang hàng (P2P lending). Nghị định quy định rõ thời gian thử nghiệm tối đa là 2 năm (có thể gia hạn), cùng với các điều kiện cụ thể về tính đổi mới của giải pháp và năng lực của công ty tham gia.

Mặc dù có những quy định đề cập đến ngân hàng số nhưng vẫn tồn tại nhiều khoảng trống và thách thức pháp lý cần giải quyết để đảm bảo sự phát triển bền vững. Cụ thể những khoảng trống pháp lý: (i) Thiếu định nghĩa pháp lý toàn diện: Hiện tại, các văn bản pháp luật chưa có một định nghĩa rõ ràng và toàn diện về “ngân hàng số” như một mô hình kinh doanh, thay vì chỉ là một tập hợp các dịch vụ. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng các quy định và tạo ra sự không chắc chắn về phạm vi điều chỉnh; (ii) Thách thức về xác thực danh tính số: Việc xác thực và nhận diện khách hàng trong môi trường số còn nhiều hạn chế. Các quy định về chữ ký điện tử, chữ ký số và sinh trắc học cần được hoàn thiện để đảm bảo tính pháp lý của các giao dịch số hóa hoàn toàn; (iii) Rủi ro chênh lệch quy định: Sự xuất hiện của các mô hình fintech đa dạng như Neobank và Challenger Bank tạo ra rủi ro chênh lệch quy định (regulatory arbitrage). Điều này có thể dẫn đến một sân chơi không bình đẳng và gây áp lực cạnh tranh không cân xứng nếu các công

ty fintech không phải tuân thủ các tiêu chuẩn thận trọng tương tự như ngân hàng truyền thống; (iv) Khoảng trống trong quản lý công nghệ mới: Mặc dù đã có các định hướng khuyến khích sử dụng các công nghệ mới như điện toán đám mây, AI và blockchain, các quy định chi tiết về quản trị dữ liệu, lưu trữ trên đám mây và ứng dụng các công nghệ này trong nghiệp vụ ngân hàng vẫn còn hạn chế. Điều này gây ra sự không chắc chắn về pháp lý và rủi ro vận hành.

4.4.2. Đề xuất hoàn thiện khung pháp lý cho ngân hàng số

Từ kinh nghiệm quốc tế, việc hoàn thiện khung pháp lý cho ngân hàng số tại Việt Nam cần dựa trên một triết lý quản lý cân bằng giữa đổi mới và ổn định, thay vì cách tiếp cận phản ứng đơn thuần. Điều này đòi hỏi các đề xuất sau:

Trong khuôn khổ pháp lý, việc hoàn thiện quy định cho ngân hàng số tại Việt Nam là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững. Đầu tiên, cần ban hành một văn bản chính thức định nghĩa “ngân hàng số” là một mô hình kinh doanh toàn diện, khác biệt với “ngân hàng điện tử” (e-banking). Định nghĩa này phải bao gồm việc số hóa toàn bộ các hoạt động cốt lõi của ngân hàng, từ giao diện người dùng đến các quy trình nội bộ. Bên cạnh đó, dựa trên kinh nghiệm quốc tế, việc phân loại rõ ràng các mô hình tổ chức tài chính số (như ngân hàng số đầy đủ, ngân hàng số hạn chế, và các công ty Fintech) là vô cùng cần thiết. Điều này giúp xây dựng một khung cấp phép phân tầng phù hợp với mức độ rủi ro, tạo ra một “sân chơi bình đẳng” và tránh rủi ro chênh lệch quy

định (regulatory arbitrage). Cuối cùng, đối với các ngân hàng số được cấp phép đầy đủ, cần áp dụng các yêu cầu về vốn tối thiểu và tiêu chuẩn thận trọng (như Basel III) tương đương với ngân hàng truyền thống, đồng thời ban hành hướng dẫn chi tiết về quản lý các rủi ro đặc thù của mô hình này như rủi ro công nghệ, rủi ro hoạt động và rủi ro thanh khoản.

Về mặt kỹ thuật và vận hành, Ngân hàng Nhà nước cần tập trung vào việc tăng cường công cụ giám sát số. Điều này bao gồm việc đầu tư vào các công nghệ giám sát hiện đại và khuyến khích các tổ chức tín dụng sử dụng các giải pháp Công nghệ quản lý quy định (RegTech). Việc áp dụng RegTech sẽ giúp tự động hóa các quy trình tuân thủ như Xác minh danh tính khách hàng (KYC) và Chống rửa tiền (AML), từ đó nâng cao hiệu quả giám sát và giảm gánh nặng tuân thủ. Ngoài ra, cần có một lộ trình cụ thể để tích hợp cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) vào khung pháp lý chính thức, nhằm đảm bảo các đổi mới thành công sẽ được áp dụng rộng rãi một cách ổn định và liên tục.

Về mặt dữ liệu và bảo mật, việc xây dựng một hệ thống pháp lý vững chắc là ưu tiên hàng đầu. Việt Nam cần xây dựng một luật bảo vệ dữ liệu cá nhân chuyên biệt, dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế như GDPR. Luật này nên quy định rõ ràng quyền của người dùng và trách nhiệm của các tổ chức xử lý dữ liệu. Đồng thời, cần ban hành các quy định chi tiết về an ninh mạng cho ngành tài chính, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế ứng phó sự cố. Để thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu an toàn, cần có hướng dẫn cụ thể về lưu trữ và chuyển dữ liệu xuyên biên

giới, cùng với khung pháp lý cho “ngân hàng mở” (Open Banking). Cuối cùng, việc hoàn thiện các quy định pháp lý cho định danh khách hàng điện tử (e-KYC) và các phương pháp xác thực bằng chữ ký số/sinh trắc học là rất cần thiết để tăng cường tính pháp lý và củng cố niềm tin của khách hàng vào các giao dịch số.

V. Kết luận

Sự phát triển nhanh chóng của ngân hàng số tại Việt Nam đòi hỏi một cuộc cải cách pháp lý toàn diện để lấp đầy những khoảng trống hiện có. Phân tích kinh nghiệm quốc tế cho thấy Việt Nam có thể học hỏi từ các mô hình thành công như cơ chế sandbox của Vương quốc Anh, hệ thống cấp phép phân biệt của Singapore, và quy định bảo vệ dữ liệu GDPR của EU. Để tận dụng “cửa sổ chính sách” độc đáo này, Việt Nam cần ban hành một định nghĩa pháp lý rõ ràng về ngân hàng số, phát triển khung cấp phép phân tầng, và xây dựng luật bảo vệ dữ liệu toàn diện. Việc tích hợp các khuyến nghị này không chỉ giải quyết các rủi ro hiện tại mà còn tạo ra một hệ sinh thái tài chính số vững mạnh, đáng tin cậy và có khả năng cạnh tranh trong tương lai. Để hiện thực hóa tầm nhìn trở thành trung tâm tài chính số hàng đầu Đông Nam Á, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý và các bên liên quan.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Chris, S. (2014). *Digital banks: Strategies to launch or become a digital bank*, Tạm dịch “Ngân hàng số: Chiến lược phát triển ngân hàng số”. Marshall Cavendish International Asia Pte Ltd.

- [2]. VIDS. (2025). Xây dựng trung tâm tài chính quốc tế ở Việt Nam: Nhìn từ kinh nghiệm quốc tế. Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://vids.mpi.gov.vn/kinh-te-xa-hoi/xay-dung-trung-tam-tai-chinh-quoc-te-o-viet-nam-nhin-tu-kinh-nghiem-quoc-te-11429.html>
- [3]. HKMA. (2025). Guideline on Authorisation of Virtual Banks, Tạm dịch “Hướng dẫn cho ngân hàng số” Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.hkma.gov.hk/eng/news-and-media/press-releases/2000/05/20000505-3/>
- [4]. Legco. (2025). BANKING SUPERVISION IN HONG KONG, Tạm dịch “Giám sát ngân hàng tại Hồng Kông”; Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.legco.gov.hk/yr02-03/english/panels/fa/papers/facb2-1122-e-scan.pdf>
- [5]. HKMA. (2025). Regulatory & Supervisory Framework, Tạm dịch “Khung pháp lý và giám sát” Truy cập ngày 10/7/2025, từ <https://www.hkma.gov.hk/eng/key-functions/banking/banking-regulatory-and-supervisory-regime/regulatory-supervisory-framework/>
- [6]. PwC. (2025). *The EU General Data Protection Regulation (GDPR) in the banking industry*, tạm dịch “Quy định chung về bảo vệ dữ liệu của EU (GDPR) trong ngành ngân hàng” Truy cập ngày 10/7/2025, từ https://www.pwc.ch/en/publications/2017/gdpr_banking_industry_report_en.pdf

LEGAL FRAMEWORK FOR DIGITAL BANKING- EXPERIENCES OF SOME COUNTRIES AND PROPOSALS FOR VIETNAM

*Lương Thị Linh Chi*⁸

Abstract: *This study analyzes the legal framework for digital banking in Vietnam, comparing international experience from Singapore, Hong Kong, the EU and the United States to make complete proposals. Although Vietnam has made significant progress with legal documents such as Decree 94/2025/ND-CP on the sandbox mechanism, Decree 52/2024/ND-CP on non-cash payments, and Circular 50/2024/TT-NHNN on online safety and security, there are still some gaps to be addressed. Key challenges include: the lack of a comprehensive legal definition for digital banking, the need to finalize regulations on digital identity authentication, address the risk of regulatory disparities, and build a detailed legal framework for data, AI and blockchain.*

Keywords: *digital banking, Fintech, testing mechanism, digital transformation, security*

⁸ Faculty of Law, Hanoi Open University